

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-5-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Chí Thanh

2. Bà Phạm Thị Kim Tuyền

**Thư ký phiên tòa:** ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp A xã P huyện C tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A xã P huyện C tỉnh Long An

(ông L có mặt, bà D vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Do quen biết nên ông và bà Trần Thị Ngọc D đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 29/5/2020. Sau khi cưới ông và bà D thuê nhà trọ sống ở huyện C được 01 thời gian thì về nhà cha mẹ ruột ông sống. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bà D có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 6/2022 ông và bà D đã không còn sống chung nhà. Từ đó đến nay ông và bà D không có gặp nhau cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay ông xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, ông không còn yêu thương bà D, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: ông và bà D có 01 con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021, hiện đang sống với bà D, về con chung sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà D được tiếp tục nuôi con, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà D đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: bà và ông L có 01 con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021, hiện đang sống với bà, về con chung sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà yêu cầu ông L có trách nhiệm hoàn trả số tiền ông L vay của bà 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại phiên tòa, ông Phạm Chí H – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc D. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021, giao con chung cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

*Chứng cứ mà ông Huỳnh Văn L cung cấp trong vụ án là:* Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của ông Huỳnh Văn L, bản sao giấy khai sinh con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Huỳnh Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc D. Bà D cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông L, thấy rằng: ông L và bà D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/5/2020 nên hôn nhân của ông L và bà D là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà D có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 6/2022 ông L và bà D không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay ông L và bà D không có gặp nhau cũng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà D. Trước yêu cầu ly hôn của ông L, bà D đồng ý. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà ông L đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: ông L và bà D có 01 con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021, hiện đang sống với bà D. Sau khi ly hôn ông L đồng ý để bà D tiếp tục nuôi con, bà D cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Huỳnh Trần Giác L1 cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: xét thấy việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ông L và bà D ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của ông L và bà D. Bà D là người trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, ông L đồng ý. Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021, mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông L và bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra tại Bản tự khai ngày 07/3/2024 bà D có yêu cầu ông L có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền vay 50.000.000 đồng. Cùng ngày TAND huyện Cần Đức có ban hành Thông báo số 108/TB-TA yêu cầu bà D trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được thông báo này phải: Làm đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan, nộp tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng (nếu có) ... Tuy nhiên hết thời hạn trong thông báo, bà D không thực hiện các thủ tục nêu

trên do đó Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu của bà D trong cùng vụ án. Bà D được quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 2.700.000 đồng, ông Huỳnh Văn L chịu và nộp xong.

[6] Về án phí: ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L về việc "Ly hôn" với Trần Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc D.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021. Giao con chung tên Huỳnh Trần Giác L1 cho bà Trần Thị Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Huỳnh Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Trần Giác L1, sinh ngày: 15/01/2021 mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006089 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Ông Huỳnh Văn L phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Huỳnh Văn L có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trần Thị Ngọc D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thùy Diễm**

